TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Đ P**

Bản án số: 142/2023/DS-ST
Ngày: 14-9-2023
V/v: "Yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về "Yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1936; địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 7, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ D quan:

1. Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo pháp luật của UBND xã L: Ông Nguyễn Minh Định - Chủ tịch ủy ban nhân dân xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

2. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

3. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm Tây Cát, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

4. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm Tây Cát, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

5. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm Tây Cát, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

6. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp Phước Lâm, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

7. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

8. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm E, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

9. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn Đ là: Anh Nguyễn Văn P (theo các biên bản về việc ủy quyền ngày 01-3-2023; ngày 03-3-2023 và giấy ủy quyền ngày 23-3-2023).

10. Bà Nguyễn Thị Tin, sinh năm 1923, địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt ông Đ, anh P, anh S, chị A; vắng mặt ông C, anh B, anh G, anh Đ, anh M, chị D, bà Tin, đại diện UBND xã L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-01-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lụa kết hôn với nhau và sinh được 09 người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn M. Ngoài ra ông Đ, bà Lụa không có con nuôi, con riêng nào khác, bố mẹ đẻ bà Lụa đều đã chết trước bà Lụa. Quá trình chung sống, ông Đ, bà Lụa tạo dựng được khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng 1.005m^2 đất thổ cư (ONT 155m^2, CLN 435 m^2, NTS 415 m^2) tại thửa số 124 và quyền sử dụng diện tích 115m^2 đất lúa tại thửa số 125 cùng tờ bản đồ số 12 xã L, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31-12-1998 tên hộ ông Nguyễn Văn Đ. Trên thửa đất số 124 có một nhà cấp bốn năm gian và 01 bếp cấp bốn nay đều đã xuống cấp, không còn giá trị. Năm 2021, bà Lụa chết không để lại di chúc, đến năm 2022 do sức khoẻ yếu, ông Đ có gọi tất cả các con đến họp bàn phân chia di sản thừa kế của bà Lụa để lại và chia phần tài sản của ông Đ trong khối tài sản chung nhưng con trai cả là ông Nguyễn Văn C không nhất trí nên không làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền được. Nay ông Đ đề nghị Toà án chia tài sản chung của vợ chồng ông và bà Lụa gồm: Quyền sử dụng 1.005m^2 đất thổ cư tại thửa số 124 và quyền sử dụng 115m^2 đất lúa tại thửa số 125 cùng tờ bản đồ số 12 xã L mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ và chia di sản thừa kế của bà Lụa theo quy định của pháp luật. Phần tài sản

của ông Đ được hưởng và được chia thừa kế ông tặng cho con gái là chị Nguyễn Thị A bằng hiện vật. Đối với các công trình nhà, bếp của vợ chồng ông trên đất thổ cư đã xuống cấp hết giá trị nên ông không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, hộ ông Nguyễn Văn Đ còn được Nhà nước cấp 02 thửa ruộng nông nghiệp, tổng diện tích 2.710 m^2 nhưng sau dồn điền đổi thửa thì hộ ông Đ được dồn lại thành một thửa số 3(14), tờ bản đồ số 09 xã L, diện tích 2.524m^2 gồm có 6 tiêu chuẩn: của ông Đ, bà Lụa, chị A, anh G, anh P và anh M. Nay ông Đ không yêu cầu chia thừa kế đối với đất ruộng tiêu chuẩn của bà Lụa mà để gia Đ tự giải quyết.

Đối với hiện trạng thửa đất thổ cư số 124, tờ bản đồ số 12 xã L, hiện nay ông Đ đang sử dụng tăng 182m^2 đất so với diện tích đất được nhà nước cấp giấy chứng nhận (1.005m^2), tổng diện tích đang sử dụng là 1.187m^2. Ông Đ cũng không biết việc gia Đ ông đang sử dụng phần diện tích đất tăng này đến nay chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án vẫn tạm giao cho ông quản lý, sử dụng vì phần diện tích đất tăng 182m^2 này gia Đ ông vẫn sử dụng ổn định từ trước tới nay, các hộ liền kề với gia Đ ông đều đã xác nhận mô mốc, ranh giới không có tranh chấp gì.

Đối với việc anh P đã xây móng nhà trên phần đất lối đi chung phía Đông thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12 xã L của hộ ông Đ thì do lúc đầu gia Đ ông không biết rõ quy định của pháp luật nên đã thống nhất với hộ liền kề cùng đi lối đi chung này là hộ bà Nguyễn Thị Tin (tức Lịch) điều chỉnh lối đi thẳng về giữa thổ của hộ ông Đ cho gia Đ bà Tin đi lại cho tiện, hộ bà Tin nhất trí. Do đó, cuối năm 2022 anh P xây dựng móng nhà thì gia Đ cũng không báo cáo chính quyền địa phương. Nay ông Đ nhất trí Tòa án giải quyết phần công trình móng nhà trên của anh P đã xây dựng trên đất lối đi chung theo quy định của pháp luật.

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn C* sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Hải Hậu đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhận. Ông C đã biết được việc nguyên đơn khởi kiện và biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nhưng đến nay, ông C vẫn vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông C không hợp tác đến Tòa án làm việc, do đó, Tòa án cũng không ghi được lời khai của ông C.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ D quan về phía nguyên đơn gồm*: Chị Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn P quá trình tố tụng tại Tòa án có lời khai thống nhất và nhất trí với các yêu cầu trên của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của ông Đ.

Anh Nguyễn Văn P ý kiến: Về việc chia thừa kế tài sản của bà Lụa đối với thửa đất thổ cư số 124 và thửa đất ruộng số 125 cùng tờ bản đồ số 12 xã L, kỷ phần của các anh chị gồm: Anh P, anh S, anh B, chị D, anh Đ, anh G, anh M được chia các anh chị xin tặng cho chị A bằng hiện vật. Hiện nay anh P đang xây dựng một móng nhà trên phần đất lối đi chung về phía Đông thửa đất số 124 của hộ ông

Đ, anh P nhất trí Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không ý kiến gì. Trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án, anh đã tạm dừng việc xây dựng, không tiến hành xây tiếp, đợi kết quả giải quyết của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị A ý kiến: Về việc chia thừa kế tài sản của bà Lụa, kỷ phần của chị A được chia; phần tài sản do ông Đ tặng cho và 07 kỷ phần của các anh chị em gồm anh P, anh S, anh B, chị D, anh Đ, anh G, anh M tặng cho, chị A đều xin nhận bằng hiện vật. Do phần lớn tài sản ông Đ và các anh chị em khác đã tặng cho chị A được nhận bằng hiện vật nên chị đề nghị Tòa án chia cho chị được nhận sử dụng toàn bộ thửa đất số 124 và 125 của hộ ông Đ, chị có trách nhiệm B toán giá trị kỷ phần thừa kế cho ông C theo giá hội đồng định giá đã định giá.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ D quan Uỷ ban nhân dân xã L trình bày ý kiến: Tại buổi xem xét thẩm định, đo đạc của Tòa án, đại diện UBND xã L có tham gia chứng kiến và được biết hiện nay con trai ông Đ là anh P có xây dựng một móng nhà trên phần đất lối đi chung do UBND xã L quản lý. Tuy nhiên, trước khi anh P xây dựng móng nhà trên phần đất lối đi chung thì gia Đ ông Đ, anh P không báo cáo gì với cơ sở xóm và chính quyền địa phương nên UBND xã không nắm được việc này. Việc xây dựng công trình trên đất lối đi của anh P là không đúng, do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tòa án có thông báo về hiện trạng đo đạc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12 của hộ ông Đ hiện nay có tổng diện tích 1.187m^2, tuy nhiên hộ ông Đ được công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 124 là 1.005m^2. Như vậy hiện trạng thửa đất số 124 mà hộ ông Đ sử dụng dư 182m^2 so với diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã L đã cung cấp toàn bộ tài liệu, hồ sơ địa chính đang lưu tại Ủy ban D quan đến thửa đất đang tranh chấp trong vụ án cho Tòa án. Do đó, trường hợp hộ ông Đ sử dụng dư đất so với diện tích đất được nhà nước cấp giấy chứng nhận, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. UBND xã L đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của Tòa án.

Tại đơn đề nghị ngày 28-6-2023, bà Nguyễn Thị Tin là hộ liền kề phía Bắc với đất tranh chấp của hộ ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Bà Tin có biết việc ông Đ khởi kiện chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của bà Lụa (vợ ông Đ), tại buổi xem xét thẩm định thực địa đất của ông Đ bà Tin và các con của bà có chứng kiến chỉ mốc giới, đất của gia Đ bà không có tranh chấp gì với đất hộ ông Đ. Tuy nhiên, về lối đi chung vào đất nhà bà Tin thì trước đây gia Đ bà có sử dụng lối đi phía Đông giáp thửa đất của hộ ông Đ nhưng năm 2022, anh P có xây nhà phía Đông thửa đất của hộ ông Đ nên bà và gia Đ ông Đ có thống nhất để lại cho gia Đ bà một phần đất của hộ ông Đ làm lối đi thẳng như hiện nay cho tiện, không phải đi vòng sang phía Đông như trước nữa. Gia Đ ông Đ, anh P nhất trí. Nay ông Đ khởi kiện tranh chấp đất đai, bà Tin xác định không có tranh chấp ranh giới với đất hộ ông Đ, về đất lối đi thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật, bà không ý kiến gì.

Tại phiên tòa, ông Đ, anh P, anh S, chị A có ý kiến thay đổi: Hiện nay do ông Đ tuổi cao, sức khỏe yếu nên đối với phần diện tích đất tăng 182m^2 hiện chưa

được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thì đề nghị tạm giao toàn bộ cho chị A quản lý, vì chị A không đi xây dựng gia Đ đang sinh sống cùng ông Đ trên phần đất này. Các nội dung khác, ông Đ, anh P, anh S, chị A giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ D quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa là không chấp hành đúng các quy định trên.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia Đ năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Văn Đ. Xác định quyền sử dụng 1.005m^2 đất thổ cư tại thửa số 124 và quyền sử dụng 115m^2 đất ruộng tại thửa số 125 cùng tờ bản đồ số 12 xã L là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lụa, ông Đ và bà Lụa mỗi người được quyền sử dụng 1/2 khối tài sản trên tương đương 502,5m^2 đất thổ cư và 57,5m^2 đất ruộng. Bà Lụa chết không để lại di chúc nên chia di sản thừa kế của bà Lụa theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Lụa gồm 10 người: ông Đ, ông C, bà A, anh P, anh S, anh B, chị D, anh Đ, anh G, anh M mỗi người được hưởng 50,25 m^2 đất thổ cư và 5,75 m^2 đất ruộng.

Tuy nhiên, ông Đ, anh P, anh S, anh B, chị D, anh Đ, anh G, anh M đều có nguyện vọng tặng cho toàn bộ phần đất mình được chia cho chị A bằng hiện vật. Chị A có nguyện vọng được nhận kỷ phần của chị và toàn bộ các phần đất mà ông Đ và các anh em ở trên tặng cho bằng hiện vật. Bị đơn ông C vắng mặt không có ý kiến, mặt khác diện tích đất chia cho mỗi kỷ phần nhỏ, không đảm bảo cho từng người sử dụng riêng lẻ. Do đó, xét đề nghị của chị A xin được nhận sử dụng toàn bộ hai thửa đất số 124 và thửa số 125 cùng tờ bản đồ số 12 của hộ ông Đ, chị có trách nhiệm B toán giá trị kỷ phần cho ông C là phù hợp nên cần chấp nhận đề nghị của chị A. Về các công trình xây dựng trên đất thổ cư của ông Đ đã xuống cấp không còn giá trị, các đương sự không yêu cầu chia nên về phần các công trình xây dựng trên đất không xem xét giải quyết.

Về các vấn đề khác, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng ông C vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Người có quyền lợi và nghĩa vụ D quan gồm anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn M vắng mặt đã ủy quyền cho anh Nguyễn Văn P tham gia vụ án. UBND xã L, bà Tin vắng mặt đã có ý kiến xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất có địa chỉ tại xóm 7, xã L và bị đơn trong vụ án có địa chỉ tại xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:

Về thời điểm mở thừa kế: Bà Nguyễn Thị Lụa chết ngày 13-8-2021, thời điểm mở thừa kế của bà Lụa là ngày 13-8-2021. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên căn cứ Điều 184, 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[4] Về khối tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lụa và yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn:

Theo biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 12-6-2023 ông Hoàng Quang Tuyến - cán bộ địa chính xã L cung cấp: Năm 2011, thửa ruộng số số 125, tờ bản đồ số 12 xã L của hộ ông Đ không bị dồn điền, đổi thửa, là đất trong khu dân cư, không phải đất ruộng tiêu chuẩn nên thửa đất ruộng số 125, tờ bản đồ số 12 xã L thuộc quyền sử dụng chung của ông Đ, bà Lụa.

Đối với quyền sử dụng diện tích đất 1.005m^2 tại thửa số 124, tờ số 12, xã L và quyền sử dụng đất ruộng 115 m^2 tại thửa số 125, tờ bản đồ số 12 xã L, các đương sự trong vụ án đều kê khai thống nhất về nguồn gốc và công nhận là tài sản chung của ông Đ, bà Lụa. Đối với bị đơn ông C không có ý kiến gì về nguồn gốc đất tranh chấp. Do đó, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu chia các công trình xây dựng trên đất thổ cư, do các công trình đã hết giá trị khấu hao. Do đó, về các công trình xây dựng trên đất, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, sau dồn điền đổi thửa năm 2011 hộ ông Đ còn được Nhà nước cấp một thửa đất thuộc đất ruộng tiêu chuẩn là thửa số 3(14), tờ bản đồ số 09 xã L, diện tích 2.524m^2, các đương sự trong vụ án đều không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy xác định khối tài sản chung của ông Đ, bà Lụa mà các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết là quyền sử dụng 1.005m^2 đất tại thửa đất số 124 và 115m^2 đất ruộng tại thửa số 125 cùng tờ bản đồ số 12 xã L có tổng trị giá 502.500.000đ + 8.625.000đ = 511.125.000đ (giá đất 500.000đ/1m^2 đất thổ cư; 75.000đ/1m^2 đất ruộng). Chia tài sản chung của ông Đ, bà Lụa mỗi người được hưởng 502,5 m^2 đất thổ cư và 57,5 m^2 đất ruộng trị giá 255.562.500đ.

[5] Về di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Lụa, diện và hàng thừa kế:

Di sản thừa kế của bà Lụa để lại là 502,5 m^2 đất thổ cư tại thửa số 124 và 57,5 m^2 đất ruộng tại thửa số 125 cùng tờ bản đồ số 12 xã L có tổng trị giá 255.562.500đ.

Năm 2021, bà Nguyễn Thị Lụa chết, trước khi chết bà không để lại di chúc nên chia di sản thừa kế của bà Lụa để lại theo quy định pháp luật. Bố mẹ đẻ của bà Lụa là cụ Nguyễn Đ Ninh và cụ Nguyễn Thị Lái đều đã chết trước bà Lụa. Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì người thừa kế theo pháp luật hàng thứ nhất của bà Lụa gồm 10 người: ông Đ, ông C, chị A, anh P, anh S, anh B, chị D, anh Đ, anh G, anh M. Do đó, diện và hàng thừa kế của bà Lụa gồm có 10 kỷ phần, di sản thừa kế của bà Lụa để lại là 502,5 m^2 đất thổ cư tại thửa số 124 và 57,5 m^2 đất ruộng tại thửa số 125 cùng tờ bản đồ số 12 xã L có tổng trị giá 255.562.500đ. Chia di sản thừa kế của bà Lụa để lại cho 10 kỷ phần gồm 10 người: ông Đ, ông C, chị A, anh P, anh S, anh B, chị D, anh Đ, anh G, anh M mỗi kỷ phần được hưởng 50,25m^2 đất thổ cư và 5,75m^2 đất ruộng tương đương 25.556.250đ.

[6] Về việc chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Lụa là quyền sử dụng đất:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự ông Đ, anh P, anh S, anh B, chị D, anh Đ, anh G, anh M trình bày: Hiện nay chị A đang ở cùng với ông Đ, không đi xây dựng gia Đ, còn anh P, anh S, anh B, chị D, anh Đ, anh G, anh M không có nhu cầu sử dụng nên đều có nguyện vọng tặng cho toàn bộ phần tài sản được hưởng và được chia thừa kế cho chị A bằng hiện vật và không yêu cầu chị A phải B toán giá trị. Chị A nhất trí nhận tài sản của ông Đ và các anh chị ở trên tặng cho bằng hiện vật. Xét đề nghị tặng cho đất của ông Đ, anh P, anh S, anh B, chị D, anh Đ, anh G, anh M cho chị A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần ghi nhận.

Do phần lớn tài sản chị A được hưởng chị đề nghị nhận bằng hiện vật, còn phía bị đơn ông C được chia một kỷ phần thừa kế tương đương 50,25m^2 đất thổ cư và 5,75m^2 đất ruộng, ông C không có ý kiến đề nghị gì về việc chia thừa kế. Xét phần đất ông C được chia một kỷ phần là nhỏ, hiện trạng hai thửa đất của hộ ông Đ có vị trí trong khu dân cư, không liền sát hoặc gần thổ đất của hộ ông C đang ở nên không phù hợp để chia cho ông C nhận bằng hiện vật. Do đó, cần giao cho chị A được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 124 và thửa số 125 tờ bản đồ số 12 xã L của hộ ông Đ, chị A có trách nhiệm B toán cho ông C giá trị một kỷ phần thừa kế tương đương 25.556.250đ như đề nghị của chị A là phù hợp.

[7] Về đo đạc hiện trạng các thửa đất đang tranh chấp:

Đo đạc hiện trạng thửa đất số 125, tờ bản đồ số 12 xã L có diện tích 115m^2 là đủ đất so với diện tích đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đo hiện trạng thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12 xã L, ông Đ đang sử dụng tổng diện tích là 1.187m^2 đất, tăng 182m^2 đất so với đất nhà nước cấp. Thực tế quá trình sử dụng gia Đ ông Đ sử dụng thửa đất ổn định từ trước đến nay, không có tranh chấp với các hộ xung quanh, gia Đ ông không biết thửa đất số 124 tăng 182m^2 đất so với giấy chứng nhận được cấp. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì thửa đất số 124 của hộ ông Đ không vi phạm quy hoạch, có thể do sai số đo đạc qua từng thời kỳ, không có tranh chấp ranh giới với hộ liền kề. Ủy ban nhân dân xã L ý kiến trường hợp công dân có yêu cầu đối với phần đất tăng thêm thì UBND xã sẽ xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Do đó, Hội đồng xét xử tạm giao toàn bộ diện tích 182 m^2 đất tăng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự quản lý chờ xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là phù hợp. Phần diện tích đất tăng 182m^2 tạm giao cho các đượng sự gồm ông Đ, anh S, anh B, anh Đ, anh P, chị A, chị D, anh M, anh G, ông C quản lý sử dụng, tương đương mỗi đương sự được tạm giao sử dụng 18,2 m^2 đất. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ, anh S, anh B, anh Đ, anh P, chị A, chị D, anh M, anh G đều thống nhất đề nghị tạm giao phần đất tăng thêm 182m^2 cho ông Đ quản lý nhưng tại phiên tòa thì ông Đ, anh P, anh S, chị A thay đổi ý kiến đề nghị tạm giao phần đất tăng thêm 182m^2 cho chị A quản lý. Vì hiện nay chị A sống cùng ông Đ trên phần đất này. Phần diện tích 18,2 m^2 đất tăng tạm giao cho ông Nguyễn Văn C là quá nhỏ không phù hợp để sử dụng nên tạm giao toàn bộ diện tích 182 m^2 đất tăng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị A quản lý chờ xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là phù hợp.

Ngoài ra, tại buổi xem xét thẩm định thực địa ngày 25-4-2023, hội đồng thẩm định xác định hiện nay trên thửa đất số 124 của hộ ông Đ, anh P đang xây dựng một móng nhà có diện tích 183,2m^2. Tuy nhiên, móng nhà của gia Đ anh P có xây trên một phần đất lối đi chung nằm về phía Đông thửa đất số 124 của hộ ông Đ, đo hiện trạng phần móng nhà xây trên đất lối đi có diện tích 46m^2. Theo ý kiến của hộ liền kề là bà Nguyễn Thị Tin cùng đi lối đi chung với hộ ông Đ thì bà Tin xác nhận do bà đề nghị hộ ông Đ để lại cho gia Đ bà một phần đất thuộc thửa số 124 để làm lối đi thẳng vào thổ của gia Đ bà như hiện nay để gia Đ đi lại cho tiện. Do đó, bà Tin cũng nhất trí để anh P xây dựng móng nhà trên phần đất lối đi chung. Nay ông Đ khởi kiện tranh chấp tại Tòa án huyện Hải Hậu, bà Tin nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà không có ý kiến gì.

Ý kiến đại diện UBND xã L trình bày: Trước khi gia Đ anh P xây dựng móng nhà trên thửa đất số 124 của hộ ông Đ và trên phần đất lối đi chung thì gia Đ không ai báo cáo với cơ sở xóm và chính quyền địa phương nên UBND xã không biết việc này. Khi Tòa án tổ chức thẩm định và đo đạc thì chính quyền địa phương mới nắm bắt được sự việc. Việc xây dựng công trình trên đất lối đi chung của anh P là không đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ chung của người sử dụng đất nên UBND xã L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 174 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *Khi xây dựng công trình, chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản phải tuân theo pháp luật về xây dựng, bảo đảm an toàn, không được xây vượt quá độ cao, khoảng cách mà pháp luật về xây dựng quy định và không được xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, người có quyền khác đối với tài sản là bất động sản liền kề và xung quanh.* Do đó, việc gia Đ anh P xây dựng một phần móng nhà trên đất lối đi chung là vi phạm nghĩa vụ tôn trọng quy tắc xây dựng được quy định tại Điều 174 Bộ luật Dân sự 2015. Kiến nghị UBND xã L có biện pháp xử lý đối với hành vi xây dựng công trình là móng nhà của gia Đ anh P lấn chiếm đất lối đi chung là 46m^2 (theo số liệu đo đạc trên sơ đồ) thuộc quyền quản lý của UBND xã L.

[8] Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn P là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện nhận nộp toàn bộ chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản không yêu cầu các đương sự khác phải B toán, xác nhận anh P đã nộp đủ và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Đ thuộc đối tượng người cao tuổi, anh Nguyễn Văn M thuộc đối tượng người khuyết tật có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn C phải nộp án phí chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị A phải nộp án phí chia thừa kế và nhận nộp án phí cho anh S, anh B, anh Đ, anh P, chị D, anh G.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 167, 170 Luật đất đai 2013; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia Đ năm 2014; Điều 184, 185, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản đối với ông Nguyễn Văn C.

2. Xác định quyền sử dụng diện tích 1.005m^2 đất (ONT 155m^2, CLN 435 m^2, NTS 415 m^2) tại thửa số 124 và quyền sử dụng diện tích 115m^2 đất (LUC) tại thửa số 125 cùng tờ bản đồ số 12 xã L, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri O382834 ngày 31-12-1998 tên hộ ông Nguyễn Văn Đ là tài sản chung hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Lụa có tổng trị giá 511.125.000đ.

3. Xác định di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Lụa là quyền sử dụng diện tích 502,5 m^2 đất thổ cư tại thửa số 124 và 57,5 m^2 đất ruộng tại thửa số 125 cùng tờ bản đồ số 12 xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định có tổng trị giá 255.562.500đ.

4. Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Văn G và anh Nguyễn Văn M cho chị Nguyễn Thị A được quyền sử dụng.

5. Chia tài sản chung của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Lụa và chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Lụa:

Chia chị Nguyễn Thị A được quyền sử dụng thửa đất số 124, tờ bản đồ số 12 xã L, diện tích 1.005m^2 (ONT 155m^2, CLN 435 m^2, NTS 415 m^2) và thửa đất số 125, tờ bản đồ số 12 xã L, diện tích 115m^2 đất hai vụ lúa, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri O382834 ngày 31-12-1998 tên hộ ông Nguyễn Văn Đ.

Tạm giao cho chị Nguyễn Thị A quản lý, sử dụng diện tích đất tăng 182m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vị trí phía Tây thửa đất số 124 tờ bản đồ số 12 xã L, huyện Hải Hậu.

(Có sơ đồ vẽ kèm theo)

Chị Nguyễn Thị A có trách nhiệm B toán giá trị một kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn C là 25.556.250đ (hai mươi lăm triệu, năm trăm lăm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

6. Chị Nguyễn Thị A có trách nhiệm D hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chia theo quyết định của Tòa án tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm giao lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri O382834 do UBND huyện Hải Hậu cấp ngày 31-12-1998 tên hộ ông Nguyễn Văn Đ cho chị A làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các cơ quan có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

- Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn M.

- Ông Nguyễn Văn C phải nộp 1.278.000đ (một triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng) án phí chia thừa kế.

- Chị Nguyễn Thị A phải nộp 8.945.000đ (tám triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí chia thừa kế.

8. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hóa **Lưu Văn Đê** **Phạm Thúy Nga**